

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 119/2018/HS-ST
Ngày 09 tháng 10 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga và bà Vũ Thị Kim Dung

Thư ký phiên toà: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2018/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 117/2018/HSST- QĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/8/1985 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Tr, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị P; vợ là Nguyễn Thị T và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 02 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2012/HSST ngày 24/4/2012, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (giá trị tài sản chiếm đoạt 4.000.000đ), 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung của cả 02 tội là 03 năm 06 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt và phần dân sự, án phí của bản án vào tháng 6/2012; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST ngày 22/11/2012, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt 02 năm 09 tháng 25 ngày chưa chấp hành của Bản án số 50/2012/HSST ngày 24/4/2012 của Tòa án nhân dân thành phố V, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung của 02 bản án là 05 năm 03 tháng 25 ngày, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/12/2017, đã chấp hành xong phần dân sự và án phí của bản án vào tháng 01/2013; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2018 cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958; nơi cư trú: Xóm Tr, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 9 giờ 35 phút ngày 30/6/2018, tại tổ dân phố V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Tổ tuần tra Công an phường T, thành phố V phát hiện hai nam giới đi xe mô tô có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra hành chính thì 01 nam giới xuống xe chạy thoát; tiếp tục kiểm tra nam giới ngồi trên xe thì khai nhận tên là Nguyễn Văn K, sinh năm 1985, ở xóm Tr, Th, T. Kém tra K thu giữ tang vật gồm có: Thu trên tay phải của K 02 gói giấy nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng, K khai nhận đó là ma túy hêrôin (tang vật được niêm phong có ký hiệu A1); tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, 01 xe mô tô BKS 88K1-32291 nhãn hiệu Honda màu vàng đen và số tiền 92.000đ của Nguyễn Văn K.

Tại kết luận giám định số 900/KLGD ngày 03/7/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Chất cục bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất loại Heroine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,2819g. Khối lượng Heroine trong 0,2819g mẫu gửi giám định là 0,1530g”*.

Về nguồn gốc ma túy thu giữ, Nguyễn Văn K khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 30/6/2018, K đang ở nhà thì nhận được điện thoại của T (bạn quen biết xã hội, không biết họ, tên đệm; T nói nhà ở phố Q, phường H) rủ xuống khu vực đường Ng, phường K, thành phố V gần nhà hàng L chơi. K đồng ý nên một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Winner BKS 88K1-221 xuống địa điểm đã hẹn gặp T. Gặp nhau, T rủ K góp tiền đi mua ma túy (heroine) để sử dụng, K đồng ý và đưa cho T 200.000 đồng. T cầm tiền và lái xe máy chở K đến khu vực Góc Vòng, thuộc xã Đ, thành phố V và bảo K xuống xe đứng đợi, còn T tiếp tục điều khiển xe một mình đi mua ma túy. Khoảng 10 phút sau, T điều khiển xe quay lại chỗ K đợi và đưa cho K 02 gói ma túy. K cầm ma túy trên tay phải ngồi lên sau xe máy T điều khiển đi mua xi lanh và nước cất để sử dụng. Khi đi đến khu vực ngã tư T50, thuộc tổ dân phố V, phường T, thành phố V thì bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt giữ K, còn T bỏ chạy thoát.

Tại Cáo trạng số: 119/CT-VKSTPVY ngày 27/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Khương về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn K vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị P trình bày: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Winner BKS 88K1-322.91 là của bà P, bà P mua bằng tiền của bà, nhờ K đứng tên trong Giấy đăng ký xe và cho K mượn làm phương tiện đi lại, làm việc. Việc bị cáo K sử dụng xe máy để đi mua ma túy sử dụng ngày 30/6/2018 bà P không biết. Bà P đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy nêu trên cho bà P.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,1263g ma túy Hêrôin còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói; trả lại Nguyễn Văn K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 đã cũ và số tiền 92.000đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án; trả lại cho bà Nguyễn Thị P 01 xe máy nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, BKS 88K1-322.91.

Bị cáo không có bào chữa, tranh luận khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn K tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 30/6/2018, tại tổ dân phố V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Văn K đã có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy lẫn tạp chất loại heroine, có khối lượng là 0,2819 gam. Khối lượng heroine trong 0,2819 gam mẫu là 0,1530 gam.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn K đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, trước khi phạm tội bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2

Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 10 năm tù nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, tàng trữ trái phép chất ma túy và trốn khỏi nơi giam, các tiền án đó chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội; bản án lần 2 đã xác định là tái phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Điều đó chứng tỏ bị cáo là đối tượng rất coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 500.000.000đồng. Tuy nhiên, bị cáo là con nghiện không có tài sản và nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết

định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với các người có liên quan đến vụ án gồm: Người nam giới tên T, bị cáo K khai là bạn quen biết ngoài xã hội, T giới thiệu ở Q, phường H, ngoài ra không có thông tin gì khác. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an phường H nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người có tên nêu trên. Do đó Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ đề nghị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với 0,1263g ma túy Hêrôin và bao gói còn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 đã cũ và số tiền 92.000 đồng đã thu giữ của bị cáo K không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ về án phí nên cần tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, BKS 88K1-322.91 đăng ký mang tên bị cáo Nguyễn Văn K, nhưng quá trình điều tra và phiên tòa xác định nguồn tiền mua xe là của bà P (mẹ đẻ của bị cáo K), bà P cho K mượn và không biết K đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30/6/2018).

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,1263g ma túy Hêrôin và bao gói còn lại sau giám định; trả lại bị cáo Nguyễn Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 đã cũ và số tiền 92.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án; trả lại bà Nguyễn Thị P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, BKS 88K1-322.91 (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 01/10/2018).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP Vĩnh Yên;
- Công an TP Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS TP Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mẫu Văn Mùi